



**QUY CHẾ NỘI BỘ  
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
QC.01.HĐQT**

	<b>QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>MÃ SỐ: QC.01.HĐQT</b>
---	---	------------------------------

**MỤC LỤC**

<b>A. THEO DÕI BAN HÀNH HOẶC SỬA ĐỔI</b> .....	6
<b>B. PHÂN PHỐI TÀI LIỆU</b> .....	6
<b>C. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG.</b> .....	6
1. PHẠM VI ÁP DỤNG .....	6
2. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG .....	6
<b>D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM CHIẾU.</b> .....	7
<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	8
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	8
Điều 2. Nguyên tắc thực hiện .....	9
Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty.....	9
Điều 4. Giải thích thuật ngữ .....	9
<b>CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG</b> .....	11
Điều 5. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông .....	11
Điều 6. Đối xử công bằng giữa các Cổ đông.....	11
Điều 7. Quyền của Cổ đông.....	12
Điều 8. Nghĩa vụ của cổ đông .....	16
Điều 9: Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin.....	17
Điều 10. Cổ đông yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	20
Điều 11. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của ĐHDCĐ.....	21
Điều 12. Cổ đông yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể .....	22
Điều 13. Cổ đông đề nghị làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng .....	23
Điều 14. Cổ đông yêu cầu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông mua cổ phần của Công ty sau ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 15. Cung cấp thông tin cho Cổ đông.....	24
<b>CHƯƠNG III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	25
Điều 16. Đại hội đồng Cổ đông.....	25
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	27



# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. ....	28
Điều 19. Thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	46
Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến .....	48
Điều 21. Ngôn ngữ sử dụng trong cuộc họp Đại hội đồng cổ Đông .....	50
<b>CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	51
Điều 22. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	51
Điều 23. Ứng cử, đề cử, bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị.....	55
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	58
Điều 25. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị .....	60
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	62
Điều 27. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị .....	64
Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	65
Điều 29. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị.....	66
Điều 30. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị .....	67
Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	72
Điều 32. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	74
Điều 33. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên.....	75
Điều 34. Ban thư ký Hội đồng quản trị .....	80
Điều 35. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị.....	81
Điều 36. Người phụ trách quản trị công ty .....	83
<b>CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ</b> .....	84
Điều 37: Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng đầu tư .....	84
Điều 38: Số lượng, Cơ chế hoạt động của Hội đồng đầu tư .....	85
<b>CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT</b> .....	85
Điều 39. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên .....	85
Điều 40. Số lượng, thành phần, cơ cấu; nhiệm kỳ; tiêu chuẩn thành viên của Ban Kiểm soát .....	89
Điều 41. Cách thức cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát.....	90
Điều 42. Cách thức bầu Thành viên Ban Kiểm soát.....	91



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát; thay thế thành viên Ban Kiểm soát .....	92
Điều 44. Cách thức hoạt động và thù lao của Ban Kiểm soát .....	94
<b>CHƯƠNG VII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>98</b>
Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý.....	98
Điều 46. Người điều hành doanh nghiệp.....	98
Điều 47. Ban Tổng Giám đốc.....	99
Điều 48. Tổng Giám đốc .....	99
Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	100
Điều 50. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.....	102
Điều 51. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro.....	103
Điều 52. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp.....	105
Điều 53. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.....	105
<b>CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>106</b>
Điều 54. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả.....	106
Điều 55. Nguyên tắc phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát .....	106
Điều 56. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao .....	107
Điều 57. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.....	108
Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.....	108
<b>CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>109</b>
Điều 59. Đánh giá hoạt động đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác .....	109
Điều 60. Khen thưởng .....	109
Điều 61. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	110
<b>CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY .....</b>	<b>111</b>



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.....	111
Điều 63. Giao dịch với người có liên quan.....	112
Điều 64. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.....	112
<b>CHƯƠNG XI: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>113</b>
Điều 65. Đào tạo về quản trị công ty.....	113
<b>CHƯƠNG XII: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH.....</b>	<b>113</b>
Điều 66. Công bố thông tin.....	113
Điều 67. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty.....	113
Điều 68. Công bố thông tin về các cổ đông lớn.....	114
Điều 69. Tổ chức công bố thông tin.....	115
<b>CHƯƠNG XIII: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....</b>	<b>116</b>
Điều 70. Chế độ báo cáo.....	116
Điều 71. Chế độ giám sát.....	116
Điều 72. Xử lý vi phạm.....	116
<b>CHƯƠNG XIV: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....</b>	<b>116</b>
Điều 73. Điều khoản thi hành.....	116
Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	116

	<b>QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>MÃ SỐ: QC.01.HĐQT</b>
---	---	------------------------------

**A. THEO DÕI BAN HÀNH HOẶC SỬA ĐỔI**

Ngày tháng	Trang/Chương/Mục BH/SĐ	Nội dung BH/SĐ	Lần BH/SĐ
31/03/2019	Toàn bộ quy trình	Xây dựng quy trình mới	01
...../...../.....	Toàn bộ quy trình	Sửa đổi nội dung Quy chế theo Thông tư 116/2020/TT-BTC	01

**B. PHÂN PHỐI TÀI LIỆU**

1	Hội đồng quản trị	Bản số <input checked="" type="checkbox"/>	3	Kiểm toán nội bộ	Bản số <input checked="" type="checkbox"/>
2	Ban Kiểm soát	Bản số <input checked="" type="checkbox"/>	4	Ban Tổng Giám đốc	Bản số <input checked="" type="checkbox"/>

**C. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG.**

**1. PHẠM VI ÁP DỤNG**

1	Đại hội đồng cổ đông	<input checked="" type="checkbox"/>	3	Ban Kiểm soát	<input checked="" type="checkbox"/>
2	Hội đồng quản trị	<input checked="" type="checkbox"/>	4	Ban Tổng Giám đốc	<input checked="" type="checkbox"/>

**2. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

1	Thành viên HĐQT	<input checked="" type="checkbox"/>	3	Thành viên Ban TGD	<input checked="" type="checkbox"/>
2	Thành viên BKS	<input checked="" type="checkbox"/>			



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

### D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM CHIẾU.

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam.



# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

## CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. **Quy chế nội bộ về quản trị** (“Quy chế”) Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (“Công ty”) là những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, cụ thể hóa các vấn đề về quản trị nội bộ công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và cán bộ quản lý trong Công ty; đồng thời quy định trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty để giảm thiểu rủi ro và những thiệt hại không cần thiết cho Công ty, tăng cường hiệu quả điều hành và việc kiểm soát quản trị nội bộ Công ty được công khai và minh bạch.
2. **Phạm vi điều chỉnh**  
Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
3. **Đối tượng áp dụng:**  
Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.
4. **Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm các vấn đề liên quan đến:**
  - Cổ đông và việc thực hiện các quyền của Cổ đông;
  - Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
  - Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;
  - Hoạt động của Hội đồng quản trị; trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
  - Hoạt động của Ban Kiểm soát;
  - Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;
- Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;
- Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

### Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Cổ đông, Công ty, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy trình nội bộ.

Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật và Quy chế này hoặc văn bản khác của Công ty, hoặc có những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

### Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty

1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
6. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

### Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “**Quản trị công ty**” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty.
2. “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 96/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày

	<b>QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>MÃ SỐ: QC.01.HĐQT</b>
---	---	------------------------------

21/08/2008.

3. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
4. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
5. **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quy định, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.
6. **“Điều lệ Công ty”** là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. **“Cổ đông”** là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước đang sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.
8. **“Người quản lý Công ty”** bao gồm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh và các chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.
9. **“Người điều hành Công ty”** là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và người điều hành trong Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
10. **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”** (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
11. **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”** (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
12. **“Người phụ trách Quản trị công ty”** là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 32 của Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-CP và Điều 43 của Điều lệ Công ty.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

13. “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4, Luật Chứng khoán; Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
14. “*UBCKNN*” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
15. “*SGDCK*” là Sở Giao dịch Chứng khoán.
16. “*TTLKCKVN*” là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
17. “*Người nội bộ*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

### CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

#### Điều 5. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông

1. Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của Cổ đông mở tại một Thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu (mã cổ phiếu: CSI) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam.
2. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký: Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về Cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.
3. Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, Danh sách Cổ đông do TTLKCKVN cung cấp cho Công ty là căn cứ để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của Cổ đông.

#### Điều 6. Đối xử công bằng giữa các Cổ đông

1. Mọi Cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả Cổ đông thiểu số và Cổ đông là người nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông là người nước ngoài tại Công ty là không hạn chế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác.
3. Cổ đông là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc là cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu Công ty theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Quyền của Cổ đông**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán; Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 144, Điều 166 Luật Doanh nghiệp; Điều 271, Điều 272 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 21 và một số khoản, mục trong các Điều liên quan thuộc Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành:

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Cổ đông có thể tham gia vào quá trình ra quyết định của Công ty thông qua quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
  - b. Cổ phần phổ thông không có quyền biểu quyết trong một số trường hợp sau:
    - Không thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần;
    - Cổ phiếu là cổ phiếu quỹ;
    - Thông qua giao dịch với các bên liên quan: nếu cổ phần phổ thông do cổ đông là người có liên quan của Công ty sở hữu, cổ đông sẽ không có quyền biểu quyết thông qua các giao dịch của Công ty với bên liên quan mà cổ đông là một bên trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi ích trong đó;
    - Cổ phần có được do vi phạm các quy định về mua cổ phiếu trong các giao dịch nắm quyền kiểm soát, vi phạm các quy định bắt buộc về chào mua công khai;
    - Cổ phần do công ty con nắm giữ: khi một công ty con trực tiếp hoặc gián tiếp nắm



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

giữ cổ phần của công ty mẹ;

- c. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - e. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Pháp luật hiện hành trừ trường hợp Điều lệ này, Pháp luật hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị có quy định khác;
  - h. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - i. Trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm các nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các Cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của Pháp luật;
  - k. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất;
  - l. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;
  - m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
  - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo

tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

- c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - d. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
  - e. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - f. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông:
- a. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông, Người được ủy quyền không nhất thiết là Cổ đông của Công ty.
  - b. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
    - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - Gửi Thẻ/phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- c. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và không cần phải công chứng. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật.
- Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.
- Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quy định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 8. Nghĩa vụ của cổ đông**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán; Điều 119 Luật Doanh nghiệp; Điều 271 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 22 và một số khoản, mục trong các Điều liên quan thuộc Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành:

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- Vi phạm pháp luật;
  - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
9. Cổ đông sở hữu từ 05% trở lên trên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được gọi là Cổ đông lớn và kể từ ngày trở thành Cổ đông lớn phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn theo quy định của pháp luật, đối với công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.
10. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty thì Cổ đông đó và người có liên quan không được sở hữu trên 5% cổ phần hoặc phần vốn góp của một công ty chứng khoán khác. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các Cổ đông khác.
11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

### **Điều 9: Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông**

- Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau:
  - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- 2.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- 2.3. Các trường hợp ủy quyền khác phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp/số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định phần vốn góp/số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp/số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền
  - 5.1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
  - 5.2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
  - 5.3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.
6. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (Nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

7. Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - 7.1. Người ủy quyền chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - 7.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - 7.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
8. Không áp dụng khoản 7 Điều này trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 10: Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin**

Cổ đông/nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này thực hiện tra cứu, trích lục thông tin thì thực hiện theo trình tự như sau:

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Tiếp tân Trụ sở chính của công ty. Yêu cầu của Cổ đông phải nêu rõ thông tin về Cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các tài liệu cần xem xét, kiểm tra, trích lục, nhận bản sao, bản trích dẫn trong khoản này, chữ ký của Cổ đông hoặc toàn bộ các Cổ đông trong nhóm Cổ đông.

Cổ đông đã lưu ký cổ phiếu yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình phải gửi yêu cầu cho thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và của tổ chức lưu ký.

Cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì liên hệ đến Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty để được hỗ trợ hoặc/và gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản theo quy định của công ty và của TTLKCK đến quầy Tiếp tân Trụ sở chính của công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị công ty cung



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- cấp thông tin theo yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho Cổ đông bằng văn bản.
- Cổ đông/nhóm Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc này.
  - Cổ đông phải trả phí cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu Cổ đông có yêu cầu.
  - Công ty cố gắng đưa các tài liệu lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và tạo điều kiện để Cổ đông có thể tự mình truy cập thông tin, tài liệu dễ dàng.

### **Điều 11. Cổ đông yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này thực hiện quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

- Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại Văn thư Trụ sở chính của Công ty. Văn bản phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ Trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- Trong vòng bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ có văn bản trả lời chính thức cho Cổ đông/nhóm Cổ đông về yêu cầu triệu tập.
- Cổ đông/nhóm Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị về việc này.
- Trường hợp Ban Kiểm soát hoặc Cổ đông/nhóm Cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách Cổ đông có quyền dự họp.

5. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý liên quan đến việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là người mua hàng.

### **Điều 12. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này thực hiện quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:
  - a. Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Văn thư Trụ sở chính của Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về họ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp.
  - b. Người triệu tập cuộc họp sẽ tiếp nhận và xử lý yêu cầu trên của Cổ đông/nhóm Cổ đông, chuyển cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua; sẽ thông báo đến cổ đông hoặc nhóm cổ đông về kiến nghị của họ được chấp thuận hay bị từ chối, tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.
  - c. Trường hợp Hội đồng quản trị chấp thuận kiến nghị, Hội đồng quản trị sẽ đề nghị người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông đưa tất cả kiến nghị vào dự thảo chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
    - Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
    - Cổ đông/nhóm Cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị các tài liệu cần thiết để phát cho các Cổ đông dự họp



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

tham khảo và thảo luận, và cũng phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

- d. Trường hợp Hội đồng quản trị không chấp thuận kiến nghị, Hội đồng quản trị phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông biết lý do không chấp thuận kiến nghị chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
  - Cổ đông/nhóm Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị về việc này.
  - Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/Số Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
2. Cổ đông/nhóm Cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung trong trường hợp này.

### **Điều 13. Cổ đông yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể**

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể theo trình tự như sau:
  - a. Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Ban Kiểm soát bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Văn thư Trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
  - b. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- c. Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm cung cấp thông tin, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát kiểm tra theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.
  - d. Kết quả kiểm tra phải được thông báo bằng văn bản cho Cổ đông/nhóm Cổ đông trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản kết quả kiểm tra.
  - e. Ban Kiểm soát phải đưa tóm tắt sự việc, kết quả kiểm tra vào báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Cổ đông/nhóm Cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế cũng có thể gửi kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến HĐQT, Ban Kiểm soát về các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty. HĐQT, Ban Kiểm soát xem xét và trả lời cho Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản, trường hợp cần có thời gian kiểm tra, xác minh sự việc thì HĐQT, Ban Kiểm soát phải thông báo cho Cổ đông được biết.

### **Điều 14. Cổ đông đề nghị làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc**

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, hay bất kỳ nội dung nào phải đăng ký với Người phụ trách Quản trị công ty. Người phụ trách Quản trị công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc quyết định làm việc với Cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách Quản trị công ty thông báo cho Cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).
2. Người phụ trách Quản trị công ty có trách nhiệm lập Biên bản làm việc và lưu vào hồ sơ Công ty.
3. Căn cứ tình hình Công ty và các yêu cầu của Cổ đông, HĐQT quyết định việc tổ chức và cách thức gặp gỡ, trao đổi với các Cổ đông của Công ty.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

### **Điều 15. Cổ đông yêu cầu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông mua cổ phần của Công ty sau ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Trong trường hợp cổ đông mua cổ phần của Công ty sau ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị được tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không có quyền biểu quyết. Trình tự như sau:

1. Cổ đông yêu cầu Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký cung cấp cho cổ đông bảng sao kê giao dịch chứng khoán tại thời điểm cổ đông mua cổ phần của Công ty (sau ngày đăng ký cuối cùng nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông).
2. Cổ đông gửi yêu cầu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản cùng bảng sao kê giao dịch chứng khoán đến quầy Văn thư Trụ sở chính Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Nếu Hội đồng quản trị không chấp thuận yêu cầu tham dự Đại hội đồng cổ đông của cổ đông thì Hội đồng quản trị phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông biết lý do không chấp thuận trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 16. Cung cấp thông tin cho Cổ đông**

1. Thông tin của Công ty được cung cấp cho Cổ đông thông qua các kênh sau:
  - Trang thông tin điện tử chính thức của Công ty: <http://www.vncsi.com.vn>
  - Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;
  - Thông cáo báo chí của Công ty;
  - Phát ngôn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người được ủy quyền công bố thông tin;
  - Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho Cổ đông hoặc công chúng.
2. Công ty tạo điều kiện để Cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.
3. Trang Thông tin điện tử (Website), báo cáo và công bố thông tin của Công ty được lập





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh (nếu có), trong đó ngôn ngữ tiếng Việt được coi là ngôn ngữ chính và là căn cứ để xác lập các thông tin chính thức từ Công ty trong trường hợp có nội dung chưa rõ, mâu thuẫn, hoặc tranh chấp cần làm rõ.

### CHƯƠNG III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam được quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty, quy định pháp luật khác có liên quan.

#### Điều 16. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.
5. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
6. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.
7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- b. Báo cáo tài chính hằng năm;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- m. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- n. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- o. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- p. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- r. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- s. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1, 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- t. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các quy định pháp luật liên quan;
- u. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 8. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 9. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 10. Thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
  - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
  - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
  - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
  - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật.

### **Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.
  - 1.1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp:
    - a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 1.2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:
- a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- (i) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
  - (ii) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - (iii) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
  - (iv) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - (v) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại mục (ii) điểm a khoản 1.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại mục (iii) và mục (iv) điểm a khoản 1.2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 1.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 1.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

- 1.3. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp hiện hành.
2. Thay đổi các quyền
  - 2.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
  - 2.2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
  - 2.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này.
  - 2.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.
3. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
  - Theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp và Điều 29 của Điều lệ Công ty;
  - Được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- Cách thức và biểu mẫu lập Danh sách cổ đông, Công văn thông báo về việc tổ chức Đại hội, Công văn thông báo về ngày Đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông và hồ sơ gửi kèm theo quy định và hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

#### 4. Chương trình, nội dung phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

- Theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Điều 30 Điều lệ Công ty;
- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được lập bao gồm các nội dung chính:
  - Tên Công ty, Tên, nội dung chương trình, thời gian, địa điểm;
  - Các bước tiến trình Đại hội, nội dung công việc, thời lượng đối với từng vấn đề;
  - Người thực hiện từng nội dung công việc.

- Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa ra vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
  - Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều này;
  - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.
  - Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp từ chối kiến nghị trên; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

- Theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp.
- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông;
  - Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
  - Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
  - Điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông;
  - Thủ tục tham dự Đại hội đồng cổ đông;
  - Thời gian và địa chỉ cụ thể của trang thông tin điện tử đăng tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông;
  - Thời gian và cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
  - Những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông Cổ đông phải được gửi kèm các tài liệu:
  - Chương trình họp;
  - Các tài liệu liên quan đến các vấn đề biểu quyết sẽ được sử dụng trong cuộc họp. Các tài liệu này được gửi cho cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
  - Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - Thẻ/Phiếu biểu quyết;
  - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
- Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ đông là người là việc trong Công ty, thông báo có thể được



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

- Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo Thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, Thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.
- 6. Cách thức đăng ký tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.
  - Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một (01) người khác dự họp. Cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho một (01) người tham dự cuộc họp và không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
  - Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật:
    - Trong trường hợp tham dự Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông xác nhận tham dự bằng cách gọi điện thoại trực tiếp cho Ban Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông theo số điện thoại ghi trong Thông báo mời họp hoặc gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội đồng Cổ đông (theo mẫu của Công ty) đến Trụ sở chính Công ty bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc Phương tiện khác do Công ty quy định.
    - Trong trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông gửi Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông (theo mẫu của Công ty) đến Trụ sở chính Công ty bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc Phương tiện khác do Công ty quy định.
    - Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông đăng ký tham dự tại Đại hội theo cách thức ghi trong Thông báo mời họp và xuất trình các loại giấy tờ như sau:
      - ✓ Cổ đông cá nhân: Thông báo mời họp, Chứng minh nhân dân/Thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền).
      - ✓ Cổ đông pháp nhân: Thông báo mời họp, Bản sao Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy ủy quyền và Chứng minh nhân dân/Thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người được ủy quyền đại diện cho pháp nhân tham dự cuộc họp.
  - Cổ đông được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

đồng, Công ty sẽ cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm cả việc họp qua Internet, bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa,...

- Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
  - Ngôn ngữ chính thức sử dụng trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông là tiếng Việt. Nếu Chủ tọa không chỉ định phiên dịch chung cho cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì Cổ đông là người nước ngoài có quyền đem theo phiên dịch khi tham dự đại hội, tuy nhiên, phải thông báo trước cho Chủ tọa được biết khi đăng ký dự họp để được sắp xếp chỗ ngồi cho người phiên dịch.
7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.
- Theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp, Điều Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều 27 Điều lệ Công ty.
  - Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
  - Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
  - Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
  - Hội đồng quản trị có thể thông báo về ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai (nếu đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành) và/hoặc ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba (nếu đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành) trong cùng Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
  - Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

8. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
  - Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
    - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
    - Trừ trường hợp quy định tại điểm trên, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
    - Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
    - Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
  - Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
  - Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
  - Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này,

hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

- Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
    - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
    - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  - Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
    - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
    - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
    - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
  - Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
  - Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
9. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết sau đây:
  - Thông qua biểu quyết tại cuộc họp;
  - Thông quá biểu quyết lấy ý kiến bằng văn bản.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
  - Định hướng phát triển công ty;
  - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
  - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - Tổ chức lại, giải thể công ty
- Nghchức lại, giải thể công ty ằng nămn có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác
  - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
  - Tổ chức lại, giải thể công ty;
- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Số phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện được ủy quyền bằng số cổ phần mà Cổ đông đó đang sở hữu.
- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
- Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết, quyết định đó. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với Nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì Nghị quyết bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HDQT

10. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết.
- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc và Hướng dẫn biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật khác.
  - Khi tham dự Đại hội, Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết được nhận một Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên người đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
  - Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng Cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký dự họp và ngay sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
  - Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết được gửi đến Cổ đông hoặc phát tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
  - Biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông:
    - Đối với các vấn đề chung: Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội đồng Cổ đông.
    - Đối với các nội dung chính: Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến từng nội dung cần lấy ý kiến được ghi trong Phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ thu lại Phiếu biểu quyết và kiểm số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội đồng Cổ đông.
  - Bỏ phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát:
    - Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
    - Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc sau ba mươi (30) phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Cổ đông hoặc người được ủy quyền





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

dự họp tiến hành bỏ phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị/Thành viên Ban Kiểm soát vào thùng phiếu tương ứng. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, thùng phiếu sẽ được Trưởng Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.
- Ban Kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
  - Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng riêng được sự giám sát của đại diện cổ đông.
  - Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
  - Kiểm tra tính hợp lệ của các Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử.
  - Kiểm tra lần lượt từng Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu.
  - Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu niêm phong toàn bộ các Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử và bàn giao lại cho Chủ tọa.
- Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
  - Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu.
  - Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
    - ✓ Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
    - ✓ Thành phần Ban Kiểm phiếu;
    - ✓ Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
    - ✓ Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
    - ✓ Số và tỷ lệ Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử hợp lệ, Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử không hợp lệ;
    - ✓ Số và tỷ lệ số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng quyết định thông qua tại Đại hội và/hoặc số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT/Ban Kiểm soát.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các Thành viên Ban Kiểm phiếu và xác nhận của đại diện cổ đông. Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.
- Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho Cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua trang thông tin điện tử của Công ty.

### 11. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.

- Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông tuân thủ theo Điều lệ Công ty và Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
- Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm Thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### 12. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Tuân thủ theo Điều 152 Luật Doanh nghiệp, Điều 2 Quy chế mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông phải công bố thông tin cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và/hoặc, gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, và/hoặc theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại thời điểm ban hành và có hiệu lực.
- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm

Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
  - Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Tuân thủ theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp và mục (o) Điều 2 Quy chế Mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật liên quan.

- Cổ đông có quyền phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bằng cách yêu cầu Thư ký đại hội ghi ý kiến phản đối vào Biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu Nghị quyết được công bố sau cuộc họp.
- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền kiến nghị, yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan.
- Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức tại Đại hội đồng Cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày theo trình tự, thủ tục quy định.
- Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
- Trong mọi trường hợp, Cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

### **Điều 19. Thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Tuân thủ quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Điều 3 Quy chế mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều 30 Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật có liên quan.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Văn bản được gửi bằng Phương thức đảm bảo đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên hệ do Cổ đông cung cấp, đồng thời đăng tải trên trang Thông tin điện tử của Công ty và tuân thủ theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
4. Trường hợp việc gửi Phiếu lấy ý kiến thực hiện bằng hình thức thư điện tử, Công ty phải lập một hộp thư điện tử (Email) để nhận Phiếu lấy ý kiến của Cổ đông.
5. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp.
6. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích lấy ý kiến;
  - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
7. Cổ đông thực hiện biểu quyết và gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty theo hướng dẫn trong Phiếu, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
8. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
9. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn quy định là Phiếu lấy ý kiến có (i) thời gian Công ty ký nhận thư từ đơn vị chuyển thư theo hình thức gửi thư sau thời hạn quy định, hoặc (ii) thời gian do máy fax ghi nhận trên Phiếu lấy ý kiến theo hình thức fax sau thời hạn quy định, hoặc (iii) thời gian do hệ thống email ghi nhận theo hình thức gửi thư điện tử sau thời hạn quy định.
10. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
  - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HDQT

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
12. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận Phiếu lấy ý kiến.
  14. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
  15. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
  16. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
  17. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến**

1. Theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP, khoản 4, 5 Điều 2 Quy chế mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, và khoản 4 Điều 21, khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty, Công ty được phép áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thông qua họp trực tuyến.
2. Trong trường hợp này Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
  - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
  - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
  - d) Điều kiện tiến hành;
  - đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
  - e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
  - g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
  - h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
  - i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
  - k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:
- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Điều kiện tiến hành;
  - đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - e) Cách thức bỏ phiếu;
  - g) Cách thức kiểm phiếu;
  - h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
  - i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
  - k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.



**QUY CHẾ NỘI BỘ  
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT**

**Điều 21. Ngôn ngữ sử dụng trong cuộc họp Đại hội đồng cổ Đông**

1. Ngôn ngữ chính thức sử dụng trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông là tiếng Việt và tiếng Trung.
2. Nếu chủ tọa không chỉ định phiên dịch chung cho cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì Cổ đông là người nước ngoài có quyền dẫn theo phiên dịch khi tham dự Đại hội, tuy nhiên phải thông báo trước cho Ban Tổ chức Đại hội được biết khi đăng ký tham dự họp để được sắp xếp chỗ ngồi cho người phiên dịch.

#### **CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 22. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về kết quả hoạt động của Công ty. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện Hội đồng quản trị.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định.  
Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  - e. Quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
  - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
  - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
  - i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác khi Hội đồng

quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty; quyết định mức lương và quyền lợi khác của người quản lý; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông.
- o. Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- r. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- s. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc/ Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
- t. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- u. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
  - v. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;
  - w. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế công bố thông tin của Công ty.
  - x. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - y. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
  - z. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.

- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- k. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
7. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty thì cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.
8. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

9. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người quản lý khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
10. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:
    - Quyền được cung cấp thông tin;
    - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
    - Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;
    - Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành;
    - Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác: Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
  - b. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:
    - Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;
    - Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông;
    - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

### **Điều 23. Ứng cử, đề cử, bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị**

Theo quy định tại Điều 115, Điều 155 Luật Doanh nghiệp; Điều 25 Thông tư 116/2020/TT-BTC; Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 43 Điều lệ Công ty.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HDQT

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.
2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ chuyên môn;
  - c. Quá trình công tác;
  - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
  - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
  - h. Các thông tin khác (nếu có).
3. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:
  - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
  - c. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng;





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của 01 công ty đại chúng;
  - e. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
  - f. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.
4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo Phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số cổ phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
6. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử;

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

**Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.
- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- b. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trừ trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có ít hơn năm (05) người, Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
- c. Đối với công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
  - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
  - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.
- a. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- b. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- c. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị vừa kết thúc nhiệm kỳ phải tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 3.1 Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Quy chế này; Điều 155 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác tại Điều lệ của Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Cổ đông là pháp nhân đề nghị thay thế người đại diện phần vốn góp của mình tại Công ty và người đại diện này đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

**3.2 Các trường hợp bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:**

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**3.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 3.1 và khoản 3.2 Điều này.**

Đối với các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trên đây, thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng quản trị có quyết định xác nhận Thành viên đó không còn tư cách thành viên mà không cần có sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông.

**3.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:**

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này;
- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 25. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành là thành viên không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
  - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
  - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
  - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
5. Nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị giống với nhiệm kỳ của thành viên Hội



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

đồng quản trị khác. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn giống thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn được quyền hạn sau:

- a. Đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban Kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội phản đối đề nghị này;
- b. Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- c. Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên HĐQT và người quản lý công ty;
- d. Đưa ra các ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị và một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và tuân thủ các quy định khác tại Điều lệ và các quy định pháp luật.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
  - b. Tổ chức thực hiện, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị.
  - c. Triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Chuẩn bị nội dung, chương trình các cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  - e. Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng quản trị.
  - f. Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị; giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các văn bản đó.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- g. Quyết định và thực hiện các vấn đề được Hội đồng quản trị ủy quyền.
- h. Lập kế hoạch và phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty.
- i. Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và đình chỉ hoặc hủy bỏ các quyết định của bộ máy điều hành Công ty nếu trái Pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, trái Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- j. Ký văn bản ủy quyền cho một trong số các thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt.
- k. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội Cổ đông.
- l. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Phó Chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch trong một số lĩnh vực được phân công. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm

vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch.

7. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
8. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
  - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
  - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 27. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc bầu cử (kể cả bầu bổ sung) và xác định kết quả trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 5 Điều 23 Quy chế này.
2. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
3. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về Cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu hoặc đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.
4. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
  - Phiếu không theo mẫu quy định, không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
  - Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu biểu quyết mà Cổ đông đó có quyền biểu quyết;
- Phiếu không có chữ ký của Cổ đông/đại diện Cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị gửi Thông báo cho Cổ đông được biết trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử Công ty về việc hết nhiệm kỳ hoặc chấm dứt tư cách của một, một số hoặc toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị trong khoảng thời gian phù hợp để cổ đông có thể chuẩn bị hồ sơ đề cử, ứng cử ứng viên.

Thông báo hướng dẫn chi tiết cách thức và điều kiện đề cử ứng cử; quyền và trách nhiệm của người đề cử ứng cử, số lượng vị trí cần đề cử ứng cử, hồ sơ đề cử, ứng cử, các mẫu biểu, số lượng văn bản yêu cầu cung cấp và thời hạn hoàn thành theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải gửi đến Công ty các hồ sơ, tài liệu sau:
  - a. Thông báo của cổ đông, nhóm cổ đông về việc ứng cử, đề cử người đại diện tham gia Hội đồng quản trị;
  - b. Lý lịch cá nhân, phiếu lý lịch tư pháp (hoặc văn bản tương đương) của ứng viên;
  - c. Bản sao (có chứng thực của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng gần nhất) các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn của các ứng viên theo quy định;
  - d. Báo cáo công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của pháp luật.
  - e. Các văn bản khác chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (nếu có);
  - f. Các văn bản khác theo yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

3. Trường hợp người được bầu không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, hồ sơ còn bao gồm Phiếu lý lịch tư pháp (hoặc văn bản có giá trị tương đương) do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Phiếu này phải được hợp thức hóa lãnh sự. Trường hợp người nước ngoài hiện đã cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên thì phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp của Việt Nam nơi người nước ngoài đang cư trú cấp.
4. Thông báo về thông tin ứng viên: tuân theo khoản 2 Điều 23 Quy chế này.
5. Thông báo về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị sẽ được thông báo cùng lúc với thông báo thông tin ứng viên hoặc theo thông báo mời họp hoặc theo thời hạn khác phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin gửi các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày có thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
7. Hồ sơ công bố thông tin về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ theo các quy định về công bố thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước.

### **Điều 29. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản

trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 30. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một Thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn ra một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Hội đồng quản trị họp định kỳ mỗi Quý một lần (hoặc có thể ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong mỗi nhiệm kỳ) và có thể triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất. Chủ tịch phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Nhận được đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b. Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý khác;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- c. Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.  

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Trường hợp có yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty
9. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

### 10. Số Thành viên tham dự tối thiểu:

- a. Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo Thông báo mời họp/Giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc qua người đại diện thay thế trở lên dự họp.
- b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này không đủ số Thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị hoặc qua người đại diện thay thế dự họp.

### 11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông thành viên Hội đồng quản trị nhất, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
  - c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
12. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

### 13. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết; Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới Thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.  

Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích và quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- e. Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc có quyền dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

14. Công khai lợi ích:

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

15. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
16. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
  - Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.
  - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.
  - Gửi Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
  - Trường hợp gửi Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

17. Nghị quyết bằng văn bản:

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- Thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết phải lập bằng văn bản và được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký thông qua. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b. Thời gian, địa điểm họp;
  - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d. Họ và tên các Thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp, các Thành viên vắng mặt và lý do vắng mặt;
  - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f. Tóm tắt ý kiến của các Thành viên Hội đồng quản trị dự họp;
  - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những Thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h. Các Nghị quyết, quyết định được thông qua;
  - i. Họ tên, chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do, nếu không ghi lý do thì các biểu quyết của Thành viên đó đối với các nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng



Giám đốc và các cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể được Hội đồng quản trị mời dự các cuộc họp mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Những người được mời dự họp không được tham gia biểu quyết.

5. Trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 Thẻ/Phiếu biểu quyết. Văn bản lấy ý kiến Hội đồng quản trị phải có các nội dung sau:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b. Mục đích lấy ý kiến; Thời hạn lấy ý kiến;
  - c. Các nội dung lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến và biểu quyết tán thành hay không tán thành;
  - e. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến.

Ban Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổng hợp văn bản lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị để lập Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nghị quyết phải được chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

Nghị quyết, các văn bản lấy ý kiến và các tài liệu sử dụng trong việc lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h và i khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
7. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
8. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

**Điều 32. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.
2. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
4. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chính sau đây:
  - a. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;
  - b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
    - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
    - Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
  - c. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
6. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện sau:
  - a. Số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- b. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
7. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể sai sót.
8. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.
9. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10. Đối với Tiểu ban Kiểm toán nội bộ phải có ít nhất một Thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận Kế toán tài chính của công ty.
11. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.
12. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng Quản trị sẽ cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự.

### **Điều 33. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên**

#### **1. Tiểu ban Quản trị rủi ro**

- a. Tiểu ban Quản trị rủi ro do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và phân công giao việc.
- b. Tiểu ban Quản trị rủi ro sẽ tổ chức các cuộc họp định kỳ ít nhất bốn lần một (01) năm và báo cáo lên Hội đồng quản trị. Các cuộc họp sẽ có các thành phần tham gia phù hợp, được thực hiện và kéo dài trong khoảng thời gian hợp lý để Tiểu ban Quản trị rủi ro có thể thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình.
- c. Khi cần thiết và phù hợp, Tiểu ban Quản trị rủi ro sẽ họp với Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro và Ban Điều hành của CSI.

- d. Tiểu ban Quản trị rủi ro có thể thành lập và ủy quyền cho một hay nhiều tiểu ban một phần hay toàn bộ thẩm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tiểu ban Quản trị rủi ro, và khi xét thấy cần thiết hay phù hợp, có thể ban hành các quy định để thực hiện công việc của Tiểu ban Quản trị rủi ro.
- e. Tiểu ban Quản trị rủi ro có quyền làm việc trực tiếp, trao đổi thẳng thắn và đầy đủ với Ban Điều hành của CSI bao gồm cả Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro, và có thể nhờ sự tư vấn và hỗ trợ từ các đơn vị tư vấn pháp lý, quản trị rủi ro hoặc các đơn vị tư vấn khác.
- f. Hàng năm, Tiểu ban Quản trị rủi ro sẽ tự xem xét và đánh giá hiệu quả hoạt động của mình và báo cáo kết quả lên Hội đồng quản trị. Tiểu ban Quản trị rủi ro cũng tự xem xét và đánh giá hàng năm tính đầy đủ của bản Nguyên tắc hoạt động này và kiến nghị những thay đổi phù hợp đến Hội đồng quản trị.
- g. Thẩm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm
- Giám sát hoạt động quản trị rủi ro:
    - + Xem xét và trao đổi với Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro về các vấn đề liên quan đến cơ cấu quản trị rủi ro, các hướng dẫn, quy định và quy trình đánh giá rủi ro liên quan đến rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro tài trợ và các rủi ro khác của CSI.
    - + Ít nhất ba (03) tháng một (01) lần, nhận báo cáo từ Tổng Giám đốc.
    - + Quản trị rủi ro liên quan đến các mức độ rủi ro chính của CSI và các đơn vị kinh doanh liên quan, cùng với các quy trình mà Ban Điều hành đã được thực hiện để kiểm soát và giám sát các mức độ rủi ro này.
    - + Khi cần thiết, nhận các báo cáo từ Bộ phận Kiểm soát nội bộ và tuân thủ liên quan đến kết quả soát xét và đánh giá hoạt động quản trị rủi ro.
  - Giám sát khả năng chấp nhận rủi ro:
    - + Nhận các báo cáo về đề xuất từ Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro về khả năng chấp nhận rủi ro.
    - + Giám sát quy định và quá trình xác định khả năng chấp nhận rủi ro, và xem xét các Phương pháp đo lường và so sánh của Ban Điều hành về khả năng chấp nhận rủi ro tổng thể với mức đã xác định như là: khả năng xảy ra rủi ro và mức độ ảnh hưởng,



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

phạm vi chịu đựng rủi ro, giới hạn danh mục đầu tư và giới hạn giao dịch.

- Giám sát tính thanh khoản, nguồn tài trợ và nguồn vốn:
  - + Xem xét báo cáo của Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro về nguồn vốn, tính thanh khoản và nguồn tài trợ của CSI, và các bước Ban Điều hành đã thực hiện để quản lý nguồn vốn, tính thanh khoản và nguồn tài trợ.
  - + Xem xét các quy định và hướng dẫn của Công ty về tính thanh khoản, nguồn tài trợ và nguồn vốn.
- Giám sát Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro:
  - + Phê duyệt việc bổ nhiệm và thay thế Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro, người sẽ báo cáo trực tiếp cho Tiểu ban Quản trị rủi ro và Tổng Giám đốc.
  - + Hàng năm, xem xét và đánh giá năng lực và hiệu quả làm việc của Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro.
- Đưa ra đề xuất về các vấn đề nêu trên hay các vấn đề khác khi Tiểu ban Quản trị rủi ro cho là cần thiết hoặc thích hợp.
- Có các thẩm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác khi được Hội đồng quản trị ủy quyền.
  - Được quyền thuê các cá nhân hay tổ chức có năng lực về đầu tư, rủi ro hoạt động và tín dụng và các lĩnh vực chuyên môn khác để hỗ trợ Tiểu ban Quản trị rủi ro trong việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Thù lao và chi phí cho các cá nhân hay tổ chức này sẽ do CSI chi trả.

### 2. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

- a. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và phân công giao việc, các thành viên phải đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, kinh nghiệm, và chuyên môn theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và quy định hiện hành khác.
- b. Trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ là một trong số các thành viên độc lập và không tham gia điều hành của Hội đồng quản trị.
- c. Hội đồng quản trị có thể mời Thành viên Ban Kiểm soát tham gia vào Tiểu ban Kiểm toán nội bộ.
- d. Nhiệm vụ và trách nhiệm:



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Định kỳ gặp gỡ riêng với Ban Điều hành, Giám đốc Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập.
  - Đảm bảo rằng nhân viên thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập không bị hạn chế tiếp cận với Tiểu ban Kiểm toán nội bộ.
  - Thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và tiến hành xem xét và báo cáo Hội đồng quản trị hiệu quả hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ định kỳ hàng năm.
  - Định kỳ hàng năm, xem xét và đánh giá tính đầy đủ của Nguyên tắc hoạt động này và đề xuất các thay đổi cho Hội đồng quản trị phê duyệt.
  - Cùng Ban điều hành xem xét đánh giá cơ cấu tổ chức kiểm soát nội bộ và quy trình báo cáo tài chính của Công ty và định kỳ xem xét, nhưng không ít hơn hàng quý, kết luận của Ban điều hành về hiệu quả của các thủ tục và biện pháp kiểm soát nội bộ, bao gồm các thiếu sót hoặc yếu kém trọng yếu trong các biện pháp và thủ tục kiểm soát.
  - Giám sát phòng Kiểm toán nội bộ.
  - Xem xét và thảo luận với Ban điều hành, ít nhất một năm một lần, về các hướng dẫn và chính sách chính cho các quy trình quan trọng của CSI liên quan đến đánh giá và quản lý rủi ro, và rủi ro tài chính trọng yếu của CSI và các công việc mà Ban điều hành đã thực hiện để theo dõi và kiểm soát rủi ro này.
- e. Giám sát chức năng kiểm toán nội bộ
- Xem xét và thảo luận các phát hiện quan trọng của Kiểm toán nội bộ mà phòng Kiểm toán nội bộ đã báo cáo cho Ban điều hành, các phản hồi của Ban điều hành, và tiến độ thực hiện kế hoạch khắc phục.
  - Xem xét và đánh giá tính đầy đủ của các công việc do phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện, và đảm bảo rằng chức năng này là độc lập và có đủ nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ của mình, bao gồm việc thực hiện kế hoạch kiểm toán hàng năm.
  - Phê duyệt Điều lệ và Sổ tay Kiểm toán nội bộ và các thông tin cập nhật trên các tài liệu này.
  - Đánh giá và phê duyệt kế hoạch Kiểm toán nội bộ hàng năm, đảm bảo kế hoạch kiểm toán hàng năm được xây dựng dựa trên định hướng rủi ro và xác định các hạn chế có thể cản trở Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán hàng năm.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Xem xét và phê duyệt ngân sách hoạt động hàng năm của Phòng Kiểm toán nội bộ.
- f. Trách nhiệm báo cáo
  - Hàng năm, Kiểm toán nội bộ sẽ xem xét Nguyên tắc Hoạt động và hiệu quả làm việc của tiểu ban và khuyến nghị Hội đồng quản trị các thay đổi cần thiết.
  - Tiểu ban Kiểm toán nội bộ lập báo cáo về vai trò và trách nhiệm và những hoạt động mà tiểu ban đã thực hiện để đưa vào báo cáo thường niên của Công ty. Báo cáo này bao gồm các nội dung chính sau:
    - + Tóm tắt vai trò của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ;
    - + Tên của tất cả các Thành viên của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trong giai đoạn này;
    - + Tổng số các cuộc họp Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và sự tham dự của mỗi thành viên;
    - + Cách Tiểu ban Kiểm toán nội bộ hoàn thành trách nhiệm của mình;
    - + Vấn đề quan trọng liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

### 3. Tiểu ban lương thưởng

- a. Tham mưu, đề xuất, hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc xây dựng, thực thi chính sách tiền lương, thưởng và các lợi ích khác.
- b. Hàng năm, căn cứ vào quy mô hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Tiểu ban xây dựng, đề xuất chế độ lương, thưởng cho nhân viên.
- c. Thực thi các nhiệm vụ được Hội đồng quản trị giao phó liên quan tới chính sách lương, thưởng của Công ty.
- d. Thăm định, góp ý kiến đối với các đề xuất liên quan đến chính sách chế độ lương, thưởng và các lợi ích khác.
- e. Đề xuất về chính sách thù lao (lương thưởng và các lợi ích khác) đối với các Thành viên Hội đồng quản trị, bộ máy điều hành để trình Hội đồng quản trị hoặc góp ý đối với các đề xuất về chính sách lương, thưởng do Hội đồng quản trị đưa ra và soát xét sự phù hợp trong từng thời kỳ.
- f. Đề xuất các chương trình phát hành cổ phiếu cho nhân viên đã có hoặc có khả năng đóng



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

góp lớn vào hoạt động của Công ty.

g. Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

### **Điều 34. Ban thư ký Hội đồng quản trị**

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị có bộ phận giúp việc là Ban Thư ký (hoặc Văn phòng Hội đồng quản trị) làm việc thường xuyên tại Công ty. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Ban Thư ký phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Ban Thư ký bao gồm:
  - a. Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.
  - b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
  - c. Ghi chép và lưu giữ biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
  - d. Đảm bảo các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
  - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
  - f. Thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công của Hội đồng quản trị.
  - g. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty.
3. Số lượng người làm việc tại Ban Thư ký, chi phí hoạt động, tiền lương, thưởng của những thành viên làm việc tại Ban Thư ký do Hội đồng quản trị quyết định. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty.
4. Người làm việc tại Ban Thư ký không được đồng thời làm việc cho Công ty Kiểm toán thực hiện việc kiểm toán Công ty.
5. Ban Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

### Điều 35. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
  - a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
  - c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
  - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
  - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
  - f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
  - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
  - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
  - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
  - k. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
  - l. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
  - m. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con.
2. Yêu cầu về nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ
  - a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
  - b. Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
  - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

ng nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Công ty;

- d. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và Thị trường Chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
  - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
3. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:
- a. Tính độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của công ty chứng khoán, kể cả ban điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của công ty chứng khoán; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;
  - b. Tính khách quan: bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty chứng khoán phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình;
  - c. Nhân viên kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;
  - d. Tính trung thực: kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;
  - e. Bảo mật: nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty.
4. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro
- a. Xây dựng và triển khai chính sách, chiến lược quản trị rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty trình Hội đồng quản trị thông qua, nội dung bao gồm:

- Trách nhiệm của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu Công ty trong việc quản trị rủi ro;
  - Trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc quản trị rủi ro;
  - Trách nhiệm của Bộ phận quản trị rủi ro và các trưởng bộ phận nghiệp vụ trong công ty chứng khoán trong việc quản trị rủi ro;
  - Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua;
  - Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
  - Công tác quản lý kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng giám đốc.
- b. Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.
- c. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty và báo cáo Hội đồng quản trị thường xuyên.
- d. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
- e. Chức năng khác của Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

### **Điều 36. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ

#### **Điều 37: Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng đầu tư**

1. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về định hướng, chiến lược phát triển của Công ty trong lĩnh vực đầu tư;
2. Xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm, trung hạn và dài hạn của Công ty; xây dựng nhu cầu nguồn vốn đầu tư hàng năm; đánh giá tình hình hoạt động đầu tư của Công ty hàng tháng/quý/năm;
3. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Hội đồng đầu tư phê duyệt danh mục đầu tư, hạn mức đầu tư, giá trị đầu tư đối với từng loại chứng khoán, từng mã chứng khoán trên cơ sở đảm bảo các quy định về hạn mức theo quy định của pháp luật chứng khoán;
4. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư của Công ty.

**Điều 38: Số lượng, Cơ chế hoạt động của Hội đồng đầu tư**

1. Số lượng thành viên Hội đồng đầu tư của Công ty ít nhất là ba (03) thành viên.
2. Cuộc họp của Hội đồng đầu tư phải được tiến hành khi có ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng đầu tư hoặc người được ủy quyền, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng đầu tư hoặc người được ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng đầu tư. Hội đồng đầu tư có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trao đổi qua các phương tiện truyền thông. Các quyết định của Hội đồng đầu tư phải được thể hiện bằng văn bản.  

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng đầu tư có thể mời các cá nhân khác tham gia phát biểu ý kiến trong cuộc họp của Hội đồng đầu tư, tuy nhiên, các cá nhân được mời không được biểu quyết.
3. Quyết định của Hội đồng đầu tư được thông qua khi được hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng đầu tư dự họp biểu quyết tán thành, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng đầu tư.
4. Hội đồng đầu tư ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đầu tư để quy định chi tiết các nội dung quy định của Điều 44 và 45 Điều lệ Công ty và các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Hội đồng đầu tư.
5. Đại hội đồng cổ đông quyết định thù lao của Hội đồng đầu tư.

**CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT****Điều 39. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:
  - a. Thẩm quyền của Ban Kiểm soát:
    - Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này;
- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
  - Xây dựng quy trình kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
  - Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
  - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
  - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Quyền của Ban Kiểm soát:
- Sử dụng tư vấn độc lập, Ban kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
  - Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
  - Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; Được nhận tiền lương hoặc thù lao và hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật; Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.
  - Được cung cấp thông tin đầy đủ:
- + Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo

- phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;
- + Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;
  - + Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
  - + Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
  - + Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
  - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
  - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
  - d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

### Điều 40. Số lượng, thành phần, cơ cấu; nhiệm kỳ; tiêu chuẩn thành viên của Ban Kiểm soát

1. Số lượng, thành phần, cơ cấu Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên phải bầu ra một Thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải hoạt động theo chế độ chuyên trách.
  - a. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Quyền và trách nhiệm của Ban Kiểm soát:

- Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;
  - Phân công trách nhiệm chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát; hoặc kế toán viên
  - Chủ trì công việc chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát; hoặc kế toán viên chuyên nghiệp các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
  - Yêu cầu công việc chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát; hoặc kế toán viên chuyên nghiệp các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; ngay;
  - Lưu công việc chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát; hoặc kế toán viên chuyên nghiệp các g Quản trị để trình lên Đại hội đồng Cổ đông;
  - Thu công việc chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát; hoặc kế toán viên chuyên ngh.
- b. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán, thành viên này không phải là nhân viên nội bộ trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.
  - c. Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, cán bộ quản lý của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm, các Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
    - a. Ban Kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị của Công ty.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- b. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
3. Tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên
  - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
  - c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
  - d. Không phải người có quan hệ gia đình (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty, người đại diện phần vốn của công ty.
  - e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
  - f. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

### **Điều 41. Cách thức cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, ứng cử người vào vị trí Thành viên Ban Kiểm soát tuân thủ các quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
2. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát:
  - a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên làm thành viên Ban Kiểm soát.
    - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên.
    - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- b. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 42. Cách thức bầu Thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc bầu cử (kể cả bầu bổ sung) và xác định kết quả trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và khoản 05 Điều 29 của Điều lệ Công ty.
2. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tại Điều 27 Quy chế này.
3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

**Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát; thay thế thành viên Ban Kiểm soát**

1. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo gửi đến trụ sở chính Công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong vòng 06 tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt kèm phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - f. Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d trên đây, thành viên Ban Kiểm soát sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng quản trị có quyết định xác nhận thành viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần có sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

  - a. Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 103, Điều 109 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Điều kiện khác do Điều lệ Công ty quy định.
3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 4. Thay thế Ban Kiểm soát:
  - a. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát.
  - b. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.
  - c. Trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên Ban Kiểm soát trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
  - d. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

**Điều 44. Cách thức hoạt động, cuộc họp và thù lao của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:
  - a. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
  - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;
  - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
  - d. Kết quả giám sát đối với Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, và các cán bộ quản lý;
  - e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.
2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:
  - a. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
  - b. Trường hợp triệu tập họp dự họp định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trường ban Trường họp triệu tập họp dự họp định kỳ phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trường Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để Cổ đông Công ty xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát vắng mặt.
  - c. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên trực tiếp tham dự cuộc họp hoặc thông qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu trữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
  - d. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- e. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
  - Trưởng Ban Kiểm soát;
  - Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
  - Tổng Giám đốc.
- f. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, c, d, e khoản 2.4 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị tiếp theo mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên trong Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện để giữ chức danh Trưởng ban.
- g. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã được đăng ký của Công ty.
- h. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát, thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc kèm theo tiếng nước ngoài (nếu có), nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
- i. Biểu quyết:
- Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách nhận nhận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển đến Chủ tọa của cuộc họp.

Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

- Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 1, Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

k. Tuyên bố quyền lợi:

Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với Công ty phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

l. Biểu quyết đa số:

Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp nhận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát ủy quyền làm chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

m. Lấy ý kiến bằng văn bản:

Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:

- Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

n. Biên bản họp Ban Kiểm soát:

Các cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng ngôn ngữ khác kèm thêm. Biên bản phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản.

Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát đến cho các thành viên Ban Kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

- a. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.
- b. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Tổng mức thù lao và các chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- c. Thù lao và chi phí hoạt động trả cho các thành viên Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định. Số tiền thù lao và chi phí hoạt động mà mỗi thành viên Ban Kiểm soát đã nhận, được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Công ty.

### CHƯƠNG VII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

#### Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
2. Công ty có một Tổng Giám đốc và một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, bãi miễn bằng một Nghị quyết hoặc Quyết định được thông qua theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nhân sự nội bộ.
3. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

#### Điều 46. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
4. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

5. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 47. Ban Tổng Giám đốc**

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, có thể có các Phó Tổng Giám đốc tùy theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm.
3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
  - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;
  - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
  - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

### **Điều 48. Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn sau đây:
  - a. Có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề chứng khoán theo quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.

- b. Không phải là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền.
- c. Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương hoặc Giám đốc, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bị phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định pháp luật.
- d. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất ba (03) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm.
- e. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán, quản trị kinh doanh; Có Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.
- f. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.
- g. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc hoặc các chức danh tương đương) tại một doanh nghiệp khác.
- h. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
- i. Trong trường hợp có Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ thì phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại Điều 74 Luật Chứng khoán và có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách.
- k. Các điều kiện khác theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

### **Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

Việc lựa chọn, bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, Điều lệ Công ty.

1. Bổ nhiệm Tổng Giám đốc
- a. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Hội đồng



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị khác cũng có thể đề cử ứng cử viên cho vị trí Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác để lựa chọn người được bổ nhiệm.

- b. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:
- Đề nghị bổ nhiệm của người đề cử, nêu rõ nhận xét của người đề cử, đề xuất mức lương, thưởng, các lợi ích, thỏa thuận dự kiến với Tổng Giám đốc;
  - Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
  - Kế hoạch hành động từ ba (03) đến năm (05) năm Tổng Giám đốc;
  - Bản kê khai lợi ích liên quan của ứng cử viên với Công ty quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;
  - Các cam kết của Tổng Giám đốc; và
  - Dự thảo Hợp đồng lao động (nếu cần).
  - Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu.
- c. Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
2. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 47 Điều lệ công ty;
  - Có đơn xin từ chức;
  - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao, để Công ty làm ăn thua lỗ nhiều năm liên tục;
  - Các trường hợp khác theo Quyết định của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc.
4. Trường hợp Tổng Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị xem xét quyết định. Đơn đề nghị của Tổng Giám đốc phải gửi ít nhất trước sáu mươi (60) ngày.
5. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) Thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.  
Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
7. Khi tạm đình chỉ, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### **Điều 50. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, cụ thể như sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
4. Kiến nghị với Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

5. Kiến nghị số lượng và người quản lý doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người quản lý doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định.
6. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
7. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
8. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
9. Tổng Giám đốc không tham gia vào bất cứ hoạt động kinh doanh nào ngoài những việc liên quan tới vai trò quản lý, điều hành Công ty và việc quản trị các công ty con của Công ty.
10. Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
11. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty

### **Điều 51. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro**

1. Công ty chứng khoán phải thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình.
2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
  - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
  - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
  - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
  - e. Tách biệt tài sản của khách hàng.
  - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng.
  - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
  - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
3. Người làm việc trong Ban Kiểm soát nội bộ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
- a. Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ.
  - b. Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao.
  - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty.
  - d. Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
  - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
4. Quy trình Kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.
5. Bộ phận Kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Tổng Giám đốc Công ty để nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

6. Công ty chứng khoán phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:
  - a. Hoạt động của công ty chứng khoán tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan.
  - b. Bảo đảm quyền lợi khách hàng.
  - c. Hoạt động của công ty chứng khoán an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực.
  - d. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của công ty.
7. Nhiệm vụ của Hệ thống thực thi Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc:
  - a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty.
  - b. Xác định rủi ro của Công ty.
  - c. Đo lường rủi ro.
  - d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

### **Điều 52. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp**

Công ty ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. Người có thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo Người điều hành doanh nghiệp đã được bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 53. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp, Công ty sẽ thực hiện công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đăng tải trên trang Thông tin điện tử của Công ty, thông báo trong nội bộ doanh nghiệp và các cơ quan, đối tác có liên quan.

**CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 54. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mời Thành viên Ban Kiểm soát (Trưởng Ban Kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên) và Thành viên Ban Điều hành tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị nếu thấy cần thiết. Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc được quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và phải có sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị, được phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết.
2. Tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Điều hành và Thành viên của các Tiểu ban.
3. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc có thể mời một số Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát và Thành viên của các Tiểu ban.
4. Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc phải có thời gian, địa điểm, nội dung họp và gửi kèm theo tài liệu họp ít nhất là ba (03) ngày trước ngày họp.
5. Biên bản và Nghị quyết họp được gửi cho tất cả các Thành viên tham dự trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày họp.

**Điều 55. Nguyên tắc phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát**

1. Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban Kiểm soát trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nghị quyết, quyết định và các văn bản được ban hành.
2. Ban Kiểm soát phải lập chương trình, kế hoạch kiểm tra định kỳ và thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty biết trước khi thực hiện, trừ trường hợp cần kiểm tra đột xuất.
3. Ban Kiểm soát được nhận các tài liệu như các Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
4. Các giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

phải được thông báo cho Ban Kiểm soát ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi thực hiện, trừ các giao dịch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong một số trường hợp theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Khi Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải có ý kiến phản hồi để cùng đưa ra quyết định chọn công ty kiểm toán phù hợp nhất.
7. Sau các cuộc kiểm tra định kỳ hay đột xuất Công ty, Ban Kiểm soát phải gửi kết luận kiểm tra bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị nắm rõ tình hình Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải trao đổi với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trước khi quyết định báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc không thể đưa ra quyết định.

### **Điều 56. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh doanh trình Hội đồng quản trị xem xét và phê chuẩn; tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có quyết định điều chỉnh.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái với pháp luật và báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng Giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định này trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

ty.

- Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty bị thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng Giám đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực khắc phục tình trạng thua lỗ, Hội đồng quản trị có quyền bãi nhiệm Tổng Giám đốc trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 57. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm.
- Kế hoạch kinh doanh năm phải trình.
- Những vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị.

### **Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

- Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tin thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các Thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình. Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.
- Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc, các Thành viên Hội đồng Quản trị có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với Thành viên Ban Tổng Giám đốc để giải quyết kịp thời.
- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này.
- Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, nếu Ban Tổng Giám đốc phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để cùng nhau giải quyết.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

### CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

#### **Điều 59. Đánh giá hoạt động đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác**

1. Hàng năm căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được phân công, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành công ty khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình người có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, đánh giá và phê duyệt.
2. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên. Kết quả đánh giá lần trước phải được lưu lại và làm cơ sở cho lần đánh giá tiếp theo.
3. Tiêu chí đánh giá hoạt động tối thiểu gồm các nội dung như sau:
  - a. Đối với Thành viên HĐQT/Ban Kiểm soát:
    - Số lần tham dự các kỳ họp chính thức và bất thường;
    - Mức độ hoàn thành công việc được giao;
    - Số lần vi phạm kỷ luật.
  - b. Đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc:
    - Khả năng điều hành và quản trị;
    - Hiệu quả kinh doanh;
    - Số lần vi phạm kỷ luật.
  - c. Đối với người điều hành doanh nghiệp khác:
    - Dựa trên quy chế nội bộ, kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn Công ty để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cán bộ quản lý.

#### **Điều 60. Khen thưởng**

1. Người có thẩm quyền bổ nhiệm thì có thẩm quyền xem xét khen thưởng người được bổ nhiệm theo thủ tục pháp luật về lao động, Điều lệ Công ty, nội quy Công ty và các thỏa



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

thuận trong hợp đồng lao động.

2. Hình thức khen thưởng:

- Bằng khen;
- Bằng tiền;
- Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty;
- Hình thức khác.

3. Nguồn khen thưởng: Được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng hợp lý.

### **Điều 61. Xử lý vi phạm và kỷ luật**

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự thiếu cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn yếu kém sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Một số vi phạm kỷ luật chủ yếu

- Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và trách nhiệm của mình;
- Lạm dụng quyền hành, việc ra quyết định vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty;
- Vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Các trường hợp khác theo quy định.

- Các cách thức kỷ luật;
- Miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải;
- Các hình thức khác theo quy định pháp luật về lao động, Điều lệ Công ty, nội quy Công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

4. Ngoài ra, các Thành viên bị xử lý kỷ luật phải hoàn trả lại cho Công ty khoản lợi ích mà Thành viên đó hưởng lợi từ hành vi vượt quá thẩm quyền mà mình đã thực hiện và/hoặc hành vi vi phạm pháp luật. Thành viên bị kỷ luật phải bồi thường thiệt hại cho khoản thiệt hại gây ra cho Công ty do hành vi vượt quá thẩm quyền mà mình đã thực hiện và/hoặc hành vi vi phạm pháp luật.

### CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

#### **Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với chính Thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới Thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các Thành viên không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, các Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà Thành viên đó hoặc người có liên quan đến Thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

5. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.
6. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:
  - a. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá;
  - b. Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật;
  - c. Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật;
  - d. Tổ chức thực hiện.
7. Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 63. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

### **Điều 64. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty**

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, nhà đầu tư, nhà cung cấp, cộng đồng





## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
  - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
  - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.
  - c. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của Công ty.

### CHƯƠNG XI: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### Điều 65. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty là những người đã tốt nghiệp hoặc được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị công ty tổ chức.

### CHƯƠNG XII: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

#### Điều 66. Công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

#### Điều 67. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông

hàng năm của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
  - b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
  - c. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không điều hành;
  - d. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
  - e. Thù lao và chi phí cho Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên;
  - f. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu Công ty của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
  - g. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
  - h. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp;
  - i. Các thông tin khác theo quy định pháp luật.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty đăng ký niêm yết.

**Điều 68. Công bố thông tin về các cổ đông lớn**

1. Những cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông của Công ty sẽ đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty đăng ký niêm yết theo quy định tại Điều lệ Công ty và của pháp luật. Công ty, căn cứ vào thông báo định kỳ của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty đăng ký niêm yết sẽ tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn sau khi những cổ đông gồm các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
  - b. Địa chỉ liên lạc;
  - c. Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT

- d. Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;
  - e. Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
  - f. Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công ty;
  - g. Tình hình tăng, giảm cổ phiếu và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các cổ đông lớn.
2. Việc công bố thông tin các cổ đông được đề cập tại khoản 1, Điều này có thể sẽ được ủy quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán của Công ty thực hiện;
  3. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty đăng ký niêm yết.

### **Điều 69. Tổ chức công bố thông tin**

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
  - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
  - b. Bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin;
  - c. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là người thuộc Ban Thư ký Hội đồng quản trị hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
  - a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
  - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
  - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
  - d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công

	<b>QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>MÃ SỐ: QC.01.HĐQT</b>
---	---	------------------------------

bổ.

### CHƯƠNG XIII: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

#### **Điều 70. Chế độ báo cáo**

Định kỳ hàng năm, Công ty có nghĩa vụ báo cáo về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế này với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 71. Chế độ giám sát**

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 72. Xử lý vi phạm**

Tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty có trách nhiệm thực hiện các Quy định được nêu tại Quy chế này.

Trường hợp vi phạm một cách có chủ ý gây thiệt hại cho Công ty, người có hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại xảy ra và bị xử lý căn cứ vào quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế quản lý nhân sự của Công ty và pháp luật hiện hành.

### CHƯƠNG XIV: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

#### **Điều 73. Điều khoản thi hành**

Quy chế này gồm XIV Chương, 74 Điều do Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam thông qua ngày 14/10/2022

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị có liên quan, cùng toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

#### **Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam quyết định.



**QUY CHẾ NỘI BỘ  
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**MÃ SỐ:  
QC.01.HĐQT**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**WANG WEI YA**



